

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST

Ngày 23-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đỗ Văn Hùng**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đào Thị Lệ Thy**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Lê Giang Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số: 47/2017/HSST ngày 08/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Quốc Đ - Tên gọi khác: Tuộc. Giới tính: Nam. Sinh năm 1987, tại Bình Phước. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Hưng Thịnh, xã Lộc T, huyện N, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 3/12. Cha: Lê Văn (đã chết). Mẹ: Đặng Thị M, sinh năm 1953. Bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1988. Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 người con sinh năm 2007. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N từ ngày 07/3/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

* Bị hại

Điều C, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp 8C, xã Lộc H, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

* *Người làm chứng*

1/ Đoàn Văn Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp 8A, xã Lộc H, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp 8A, xã Lộc H, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có phương tiện đi lại nên vào khoảng 5 giờ ngày 07/3/2019, Đ chuẩn bị các dụng cụ phá khóa xe mô tô và đi bộ một mình từ xã Lộc H, huyện N đến khu vực xã Tân Th, huyện Đ nhằm tìm xe mô tô sơ hở để trộm cắp nhưng không được. Sau đó, Đ quá giang người đi đường từ huyện Đ xuống địa phận xã Lộc H, huyện N. Tại đây, Đ đi bộ đến khu vực ấp 8B, xã Lộc H thì phát hiện thấy 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng – nâu, biển số 98K9 – 2208 của anh Điều C đang dựng gần đường biên giới. Quan sát thấy không có người trông giữ nên Đ đi đến và dùng dụng cụ phá khóa mang theo sẵn phá khóa xe mô tô rồi dắt ra đường khởi động máy chạy tẩu thoát về hướng cửa khẩu Hoa Lư. Cùng lúc này, anh Điều C phát hiện Đ trộm cắp xe nên đã chạy bộ đuổi theo đồng thời điện thoại báo cho anh Điều C1, là anh ruột của C biết để cùng truy đuổi. Nghe vậy, anh Điều C1 điều khiển xe mô tô chạy đến báo cho anh Đoàn Văn Q, là Chốt trưởng chốt dân quân xã Lộc H cùng truy đuổi và bắt giữ được Đ cùng vật chứng (BL 01-03, 25, 26, 47-50).

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng – nâu, biển số 98K9 – 2208; 01 ổ khóa bị hư hỏng của xe mô tô Sirius, màu trắng – nâu, biển số 98K9 – 2208; các dụng cụ phá khóa xe mô tô gồm: 01 thanh sắt dài 06cm, 01 đầu được mài nhọn và một đầu hình lục giác, 01 thanh sắt hình chữ “L” dài 13cm bên ngoài được quấn băng keo màu đen, được gắn liền với một thanh sắt hình lục giác có một đầu mài nhọn, 01 thanh sắt hình trụ, màu đồng kích thước (4x0,7x0,7)cm, 01 thanh sắt hình trụ kích thước (3x0,1x0,5)cm và 01 hộp nhựa màu đen.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 05 ngày 07/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng – nâu, biển số 98K9 – 2208 trị giá là: 6.000.000 đồng (BL 38).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKS, ngày 07/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung quyết định truy tố, đề nghị.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: **Lê Quốc Đ** từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đề cập đến.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng – nâu, biển số 98K9 – 2208 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả cho anh anh C là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 thanh sắt dài 06cm, 01 đầu được mài nhọn và một đầu hình lục giác, 01 thanh sắt hình chữ “L” dài 13cm bên ngoài được quấn băng keo màu đen, được gắn liền với một thanh sắt hình lục giác có một đầu mài nhọn, 01 thanh sắt hình trụ, màu đồng kích thước (4x0,7x0,7)cm, 01 thanh sắt hình trụ kích thước (3x0,1x0,5)cm và 01 hộp nhựa màu đen, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ số tiền 20.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vellcom, màu xanh, đây là tài sản hợp pháp của Đ không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Đối với đối tượng tên T, là người cho bị cáo các dụng cụ phá khóa xe, do chưa xác định được nhân thân lại lịch nên chưa thể làm việc, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Chủ tọa phiên tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA THẨM PHÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, lời khai của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận điều tra, quyết định truy tố và

luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 07/3/2019, tại khu vực ấp 8B, xã Lộc H, huyện N, bị cáo Lê Quốc Đ đã có hành vi lén lút dùng dụng cụ phá khóa mang theo sẵn phá khóa xe mô tô, chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng – nâu, biển số 98K9 – 2208 của anh Điều C, khi bị cáo đang chạy xe đi thì bị phát hiện bắt quả tang. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là liều lĩnh, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá nhân được luật pháp bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, có giai đoạn chuẩn bị phạm tội rõ ràng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Do lười biếng lao động, không lo tu chí làm ăn, muốn có xe sử dụng nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 30/5/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS theo Bản án số 27/2011/HSST. Ngày 05/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS theo Bản án số 70/2012/HSST. Ngày 10/12/2013 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích. Đến ngày 07/3/2019 lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và đề phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo có trình độ văn hoá thấp nên am hiểu pháp luật còn hạn chế, là tình tiết xem xét giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra, anh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe mô tô hiệu Sirius, màu trắng – nâu, biển số 98K9 – 2208 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả cho anh anh C là chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 thanh sắt dài 06cm, 01 đầu được mài nhọn và một đầu hình lục giác, 01 thanh sắt hình chữ “L” dài 13cm bên ngoài được quấn bằng keo màu đen, được gắn liền với một thanh sắt hình lục giác có một đầu mài nhọn, 01 thanh sắt hình trụ, màu đồng kích thước (4x0,7x0,7)cm, 01 thanh sắt hình trụ kích thước (3x0,1x0,5)cm và 01 hộp nhựa màu đen, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 ổ khoá đã bị hư nên tịch thu huỷ bỏ.

Đối với số tiền 20.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vellcom, màu xanh, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

Đối với đối tượng tên T, là người cho bị cáo các dụng cụ phá khóa xe, do chưa xác định được nhân thân lại lịch nên chưa thể làm việc, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1) Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc Đ **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2019 và tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2) Về vật chứng của vụ án: Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

- Trả lại cho bị cáo số tiền 20.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vellcom, màu xanh

- Tịch thu tiêu hủy:

- 01 thanh sắt dài 06cm, 01 đầu được mài nhọn và một đầu hình lục giác,

- 01 thanh sắt hình chữ “L” dài 13cm bên ngoài được quấn bằng keo màu đen, được gắn liền với một thanh sắt hình lục giác có một đầu mài nhọn.

- 01 thanh sắt hình trụ, màu đồng kích thước (4x0,7x0,7)cm

- 01 thanh sắt hình trụ kích thước (3x0,1x0,5)cm

- 01 hộp nhựa màu đen

- 01 ổ khoá bị hư

Số tang vật trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện N đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 0006620 ngày 21/5/2019

3) Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4) Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện N;
- Bị cáo, bị hại
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- CA huyện;
- CA tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Hùng

